

Số: 226/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp Đại học hệ vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-LĐTBXH ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-ĐHSPKTVL-SĐH ngày 21/6/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc ban hành quy định đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Quyết định số 197/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 09/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp Đại học chính quy và Đại học VLVH đợt 2 năm 2023;

Căn cứ Kết quả học tập, rèn luyện toàn khóa học của sinh viên các khóa Đại học vừa làm vừa học đủ điều kiện xét tốt nghiệp đợt 2 năm 2023;

Căn cứ Biên bản xét công nhận tốt nghiệp Đại học hệ vừa làm vừa học đợt 2 năm 2023 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp họp ngày 23/8/2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp và cấp bằng **KỸ SƯ** hệ vừa làm vừa học cho **57** sinh viên (có danh sách kèm theo), các loại văn bằng như sau:

TT	Ngành	Số SV	Hạng tốt nghiệp			
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	18	0	1	16	1
2	Công nghệ thông tin	2	0	0	1	1
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	23	0	14	8	1
4	Công nghệ kỹ thuật ô tô	14	0	0	12	2
Tổng cộng		57	0	15	37	5

Điều 2. Mọi chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên được cắt khỏi Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Ông (Bà) Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, Đơn vị liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách kèm theo ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: P.ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lao Hùng Phi

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG KỸ SƯ HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC - ĐỢT 2 NĂM 2023

(Kèm theo quyết định số: 226/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 30 tháng 8 năm 2023)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
I	Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí								
1	21308002	Trương Văn Dĩ	13/6/1999	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.99	Khá	
2	21308005	Trần Ngọc Hiền	29/4/1995	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.92	Khá	
3	21308010	Danh Trần Sang	03/02/1999	Kiên Giang	Nam	Khmer	2.78	Khá	
4	21308012	Phạm Văn Thảo	24/8/1987	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.69	Khá	
5	21308013	Huỳnh Trần Trọng Thức	10/4/1999	An Giang	Nam	Kinh	2.68	Khá	
6	21308014	Nguyễn Văn Tính	02/5/1996	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.93	Khá	
7	21308016	Nguyễn Chí Cường	24/01/2000	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.15	Khá	
8	21308017	Dương Xuân Hưng	24/01/2000	Kiên Giang	Nam	Hoa	2.63	Khá	
9	21308018	Phan Hoàng Khang	19/10/2000	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.81	Khá	
10	21308019	Hoàng Văn Mi	12/11/2000	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.66	Khá	
11	21308020	Danh Nghĩa	17/8/1999	Kiên Giang	Nam	Khmer	3.21	Giỏi	
12	21308021	Trần Thế Ngọc	29/8/2000	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.00	Khá	
13	21308022	Danh Xà Rốt	24/4/2000	Kiên Giang	Nam	Khmer	2.38	Trung bình	
14	21308023	Lý Đình Sang	15/02/1999	Kiên Giang	Nam	Hoa	2.60	Khá	
15	21308025	Trần Việt Thành	15/10/1995	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.54	Khá	
16	21308026	Phạm Năng Tĩnh	27/12/1986	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.08	Khá	
17	21308027	Danh Thanh Tùng	11/9/1999	Kiên Giang	Nam	Khmer	2.53	Khá	
18	21308028	Danh Út	25/3/1998	Kiên Giang	Nam	Khmer	2.56	Khá	
II	Ngành Công nghệ thông tin								
19	20304003	Nguyễn Thị Thanh Hà	08/8/1997	Trà Vinh	Nữ	Kinh	2.63	Khá	
20	20304019	Phạm Nguyễn Tường Duy	03/8/1995	Trà Vinh	Nữ	Kinh	2.47	Trung bình	
III	Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử								
21	20303001	Nguyễn Thị Ngọc Ái	15/8/1987	Cần Thơ	Nữ	Kinh	3.04	Khá	
22	20303005	Lưu Thanh Danh	29/9/1981	Cửu Long	Nam	Kinh	2.59	Khá	
23	20303019	Nguyễn Võ Hữu Pho	13/11/1987	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.59	Giỏi	
24	20303023	Phạm Quang Sang	14/01/1989	Cửu Long	Nam	Kinh	3.17	Khá	
25	20303024	Nguyễn Thiên Thạch	14/3/1989	An Giang	Nam	Kinh	3.00	Khá	
26	20303027	Phạm Thị Xuân Thùy	07/10/1991	Cửu Long	Nữ	Kinh	3.31	Giỏi	
27	20303031	Huỳnh Ngọc Trân	15/11/1995	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.38	Giỏi	
28	20303040	Nguyễn Đức Phương	10/4/1991	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.47	Trung bình	
29	20303116	Phạm Hoàng Ân	20/6/1989	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.15	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
30	20303120	Nguyễn Tấn Đạt	04/5/1998	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.32	Giỏi	
31	20303129	Nguyễn Tấn Khuyên	14/11/1996	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.01	Khá	
32	20303134	Bùi Văn Vũ Luân	30/12/2000	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.12	Khá	
33	20303141	Nguyễn Minh Quang	13/9/1997	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.21	Giỏi	
34	20303142	Lê Ngọc Sáng	08/4/1989	An Giang	Nam	Kinh	3.29	Giỏi	
35	20303155	Đinh Văn Công	17/8/1990	Nam Định	Nam	Kinh	3.22	Giỏi	
36	20303156	Nguyễn Tiến Dũng	30/3/1997	Tp HCM	Nam	Kinh	3.29	Giỏi	
37	20303161	Phan Tuấn Phong	09/01/1997	Sóc Trăng	Nam	Kinh	3.14	Khá	
38	20303162	Trần Ngọc Vinh Quang	18/3/1989	Tp HCM	Nam	Kinh	3.36	Giỏi	
39	20303163	Phan Thanh Sơn	03/3/1993	Tp HCM	Nam	Kinh	3.40	Giỏi	
40	20303164	Lý Thành	24/02/1997	Sóc Trăng	Nam	Khmer	3.47	Giỏi	
41	20303165	Ong Ngọc Thống	14/01/1994	Tp HCM	Nam	Kinh	3.37	Giỏi	
42	20303167	Nguyễn Thị Thùy Trang	10/4/1997	Bình Dương	Nữ	Kinh	3.33	Giỏi	
43	20303168	Trần Thị Thanh Vân	01/9/1995	Tp HCM	Nữ	Kinh	3.31	Giỏi	
IV	Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô								
44	20301002	Đỗ Văn Đông	17/01/1976	Thái Bình	Nam	Kinh	2.99	Khá	
45	19301002	Trần Hoàng Phước	20/10/1995	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.79	Khá	
46	21301031	Nguyễn Chí Bảo	25/11/2000	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.54	Khá	
47	21301032	Nguyễn Văn Bé	03/5/1998	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.75	Khá	
48	21301033	Bùi Công Chánh	30/4/2000	Cần Thơ	Nam	Kinh	2.63	Khá	
49	21301036	Nguyễn Hoàng Hải	31/10/1983	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.75	Khá	
50	21301037	Dương Minh Hiếu	17/11/2000	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.58	Khá	
51	21301038	Nguyễn Nhật Huy	24/6/2000	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.41	Trung bình	
52	21301039	Lê Hồng Kha	06/01/1999	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.63	Khá	
53	21301045	Lâm Quan Thi	01/01/2000	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.51	Khá	
54	21301046	Nguyễn Minh Thiện	17/10/1999	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.23	Trung bình	
55	21301047	Đỗ Minh Thơm	09/10/2000	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.56	Khá	
56	21301048	Lê Văn Toàn	04/10/2000	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.76	Khá	
57	21301050	Phạm Hoàng Xuyên	20/9/2000	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.58	Khá	



PGS.TS. Lao Hùng Phi